

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 13- 01 - 2026.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thảo Thị Chúc;

Ông Phạm Ngọc Thiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Bá Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lữ Thị T; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Bản K, xã TK, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Cà Văn C; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Bản M, xã MN, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2025, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lữ Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị Lữ Thị T và anh Cà Văn C kết hôn với nhau từ ngày 04/10/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã TK, tỉnh Sơn La). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Chị Lữ Thị T và anh Cà Văn C đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành, hiện nay đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lữ Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với anh Cà Văn C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Cà Văn C, anh Cà Văn C không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Do vậy không có lời khai của anh Cà Văn C đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Thị T

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Nguyên đơn chị Lữ Thị T nhất trí không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác và người tham gia tố tụng khác.

Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/11/2025 nguyên đơn chị Lữ Thị T trình bày do bận công việc, nên không thể có mặt để tham dự phiên tòa, chị Lữ Thị T đề nghị xét xử vắng mặt. Ý kiến của chị Lữ Thị T về việc giải quyết vụ án: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về tình cảm: Yêu cầu được ly hôn với anh Cà Văn C; con chung không có; tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Chị Lữ Thị T đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cà Văn C đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lữ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Cà Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn có tình vắng mặt. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lữ Thị T được ly hôn với anh Cà Văn C.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lữ Thị T khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Cà Văn C có địa chỉ tại xã MN, tỉnh Sơn La Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lữ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Cà Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh Cà Văn C vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lữ Thị T, bị đơn anh Cà Văn C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lữ Thị T và anh Cà Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã TK, tỉnh Sơn La) vào ngày 04/10/2010, đúng theo quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay chị Lữ Thị T và anh Cà Văn C đã sống ly thân từ lâu (năm 2011) cho đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Cà Văn C đã được Toà án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai và hoà giải, anh Cà Văn C không có mặt, do vậy Toà án không có lời khai và không tiến hành hoà giải được, điều này chính tỏ anh Cà Văn C không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Lữ Thị T và anh Cà Văn C lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xử cho chị Lữ Thị T được ly hôn với anh Cà Văn C. Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Không có.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Cam đoan không có.

[6]. Về án phí: Chị Lữ Thị T phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Căn cứ khoản 4, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lữ Thị T được ly hôn với anh Cà Văn C.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lữ Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Sơn La theo biên lai thu số: 0000579, ngày 24/10/2025.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lữ Thị T; bị đơn anh Cà Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La(2 bản);
- UBND xã TK, tỉnh Sơn La,
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Hương